



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 06, THÁNG 02/ 2021

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



Đánh giá về các thay đổi
về quy định/thủ tục liên
quan đến SPS/TBT trong
bối cảnh dịch bệnh
COVID-19 năm 2020

**How COVID-19
changing the world:**



Tìm hiểu về mức giới hạn của mối nguy gây
mất an toàn thực phẩm



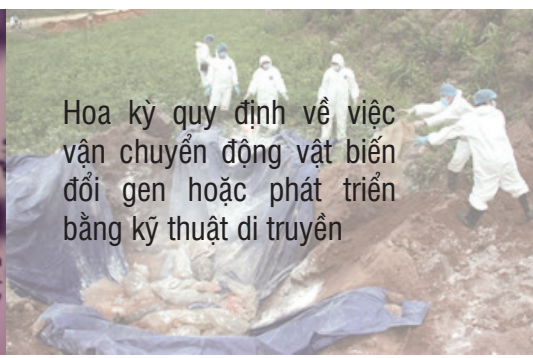
Úc thông báo về
các yêu cầu cấp
phép nhập khẩu
theo kế hoạch đối
với hạt giống
Apiaceous



Nhật bản đưa ra
thông báo về các
biện pháp khẩn cấp
để ngăn chặn virus
hại quả cà chua nâu
(ToBRFV) xâm nhập
vào quốc gia này



Hoa kỳ quy định về việc
vận chuyển động vật biển
đối gen hoặc phát triển
bằng kỹ thuật di truyền



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Nguyễn Quốc Chính

KS. Nguyễn Tử Cường

ThS. Trần Thùy Dung

TS. Nguyễn Thu Hồng

ThS. Trần Diễm Hồng

KS. Lê Anh Ngọc

ThS. Trần Thị Tú Oanh

PGS. TS. Nguyễn Anh Thu

ThS. Vũ Thị Hải Yến

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764, Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 19/GP-XBBT ngày 12/3/2020

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

CHUYÊN MỤC

THÔNG TIN - HOẠT ĐỘNG

- Đánh giá về các thay đổi về quy định/thủ tục liên quan đến SPS/TBT trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 năm 2020. **3**
- Tìm hiểu về mức giới hạn của mỗi nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm. **7**

Ý KIẾN - TRAO ĐỔI

- Canada cập nhật chính sách mới về điều kiện thú y đối với nhập khẩu sữa và sản phẩm từ sữa. **10**
- Nhật Bản đưa ra thông báo về các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn virus hại quả cà chua nâu (ToBRFV) xâm nhập vào quốc gia này. **12**
- Thái Lan tạm ngừng nhập khẩu lợn từ Việt Nam. **14**
- Canada đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng: flupyradifurone, difenoconazole và thiabendazole. **15**
- Cập nhật giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho nông sản xuất khẩu từ Úc. **17**

VĂN BẢN MỚI

- Dự thảo quy định về SPS của các nước thành viên WTO trong tháng 2/2021 **18**



How COVID-19 is changing the world:

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC THAY ĐỔI VỀ QUY ĐỊNH/THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN SPS/ TBT TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19 NĂM 2020

ThS. Trần Thùy Dung
Văn phòng SPS Việt Nam

Tính đến ngày 01 tháng 2 năm 2021, các thành viên WTO đã gửi tổng cộng gần 300 thông báo liên quan đến COVID-19, trong đó bao gồm 106 Thông báo TBT và 65 Thông báo SPS. Các biện pháp được thông báo tập trung vào 4 mục tiêu chính:

- Ưu tiên đẩy nhanh các thủ tục cấp chứng nhận cho các mặt hàng y tế trọng yếu;
- Đảm bảo rằng hàng hóa y tế đáp ứng được các tiêu chuẩn an toàn;
- Đảm bảo thông suốt cho nguồn cung ứng thực phẩm bằng cách nới lỏng, miễn trừ các quy định kỹ thuật; và
- Giải quyết các rủi ro do COVID-19 đến từ hoạt động buôn bán quốc tế về động vật sống và sản phẩm động vật.

Các biện pháp SPS/TBT trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào các hoạt động sau:

1 Ưu tiên đẩy nhanh các thủ tục cấp chứng nhận:

Một loạt các biện pháp tạm thời đã được các nước thành viên thông báo nhằm hợp lý hóa việc cấp chứng nhận, ủy quyền và các thủ tục khác đối với hàng hóa y tế, để cho phép nhiều loại sản phẩm tham gia thị trường nhanh hơn, đồng thời vẫn đảm bảo tiếp tục bảo vệ sức khỏe và an toàn. Trong số các biện pháp này có thể kể đến:

- Brazil đang thực hiện một loạt các biện pháp tạm thời, bao gồm: Miễn trừ các yêu cầu về ủy quyền cấp phép thông thường cho việc nhập khẩu “Các dụng cụ bảo hộ y tế (PPE)” (bao gồm mặt nạ phẫu thuật, N95, PFF2 hoặc mặt nạ phòng độc hạt tương đương, kính bảo hộ, tấm che mặt, áo choàng bệnh viện dùng một lần, mũ và dụng cụ, van, mạch và thiết bị tăng cường hô hấp) và thiết bị y tế liên quan; miễn trừ chứng nhận bắt buộc cho găng tay y tế; nới lỏng yêu cầu về ủy quyền và sản xuất đối với chất khử trùng và chất khử khuẩn; và giới thiệu các thủ tục tạo điều kiện để phê duyệt có điều kiện

cho đăng ký (và thay đổi sau đăng ký) thuốc và sản phẩm sinh học.

- Canada tạm thời cho phép các chất khử trùng tay, chất khử khuẩn và PPE vào thị trường mà không cần đáp ứng yêu cầu về ngôn ngữ ghi trên nhãn mác hoặc đóng gói (song ngữ).
- Thụy Sĩ đang tạm thời dỡ bỏ các yêu cầu cấp phép đối với thuốc và chất khử trùng, cũng như các yêu cầu chứng nhận đối với thiết bị y tế và PPE.
- Ukraine đã thông báo các quy trình tạm thời và đặc biệt nhằm mở rộng khả năng tiếp cận thị trường cho PPE và các thiết bị y tế chưa đáp ứng đủ các quy định kỹ thuật của họ, nhưng việc sử dụng được coi là cần thiết để bảo vệ sức khỏe do đại dịch.
- Thái Lan đã công bố phê duyệt đăng ký tạm thời tạo điều kiện cho việc nhập khẩu PPE, thiết bị y tế và dược phẩm.

2 Tăng cường Thủ tục kiểm tra từ xa/chứng nhận điện tử

Trong bối cảnh chuỗi cung ứng thương mại hàng hóa, dịch vụ bị gián đoạn do COVID-19 gây ra, các quốc gia thành viên WTO đã áp dụng một nhóm các biện pháp kỹ thuật SPS/TBT gồm các thủ tục/hình thức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật, quy trình đánh giá sự phù hợp và tiêu chuẩn kỹ thuật khác bằng các phương tiện điện tử hoặc hình thức kiểm tra, giám sát từ xa.

Trong lĩnh vực TBT, Brazil đã thông báo những thay đổi tạm thời và khẩn cấp đối với quy trình đánh giá sự phù hợp của mình để cho phép kiểm tra từ xa (thông qua công nghệ cầu truyền hình và truyền dữ

liệu) và xác minh thông qua phân tích tài liệu điện tử, bao gồm cả đối với các đánh giá thực hành tốt sản xuất dược phẩm và thiết bị y tế. Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất đã kích hoạt việc sử dụng



các chương trình công nghệ trực quan (cuộc họp video) thay cho các chuyến thăm khảo sát tại chỗ, chẳng hạn như để gia hạn các chứng nhận. Ecuador đã phát triển các công cụ trực tuyến để xác minh giấy chứng nhận lưu hành tự do.

Trong lĩnh vực SPS, một số quốc gia thành viên đã tạm thời giảm bớt các yêu cầu chứng nhận giấy và đang hướng tới nhiều quy trình cấp chứng nhận điện tử hơn: 17 thành viên chấp nhận bản sao hoặc tài liệu được quét/scan thay vì yêu cầu bản gốc, bảy thành viên đã triển khai chữ ký điện tử và tám thành viên cũng đã thiết lập các trang web dành riêng cho xác minh tài liệu. Ví dụ: Liên minh Châu Âu đã cho

phép các phương pháp thay thế để thực hiện các kiểm soát hải quan chính thức và các hoạt động khác, bao gồm việc sử dụng các bản sao điện tử và các định dạng điện tử của chứng chỉ và chứng thực. EU cũng đã cho phép việc ủy quyền bất kỳ phòng thí nghiệm được chỉ định nào thực hiện các phân tích, thử nghiệm hoặc chẩn đoán. Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất đang phát triển các giải pháp thay thế như giấy chứng nhận sức khỏe điện tử và đồng ý với các thủ tục xác minh giấy chứng nhận nhằm giảm việc sử dụng giấy chứng nhận sức khỏe bằng giấy. Đài Loan cũng đã thông báo áp dụng hình thức chứng nhận điện tử và kiểm tra, giám sát từ xa đối với các sản phẩm nông sản có nguồn gốc thực vật

Mã WTO	G/SPS/N/TPKM/526
Ngày thông báo	16/04/2020
Loại thông báo	Bình thường
Tiêu đề	Các Thỏa thuận Thay thế Tạm thời về Xuất trình Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật và Thú y Gốc trong Điều kiện xảy ra Đại dịch COVID-19.
Tóm tắt	Các thỏa thuận thay thế tạm thời đối với việc xuất trình giấy chứng nhận thú y hoặc kiểm dịch thực vật gốc do tác động gián đoạn di chuyển của vận tải hàng không và thư chuyển phát nhanh do hậu quả của đại dịch COVID-19 như sau: - Hàng hóa thuộc diện kiểm tra thú y, kiểm dịch được phép nhập khẩu kèm theo bản chính Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y, kiểm dịch thực vật đối với lô hàng nhập khẩu có các phương án bảo đảm thay thế sau đây: - Một bản scan của giấy chứng nhận thú y hoặc kiểm dịch thực vật sẽ được gửi qua email / fax đến văn phòng chi nhánh của Cục Kiểm dịch và Kiểm dịch Động thực vật (BAPHIQ) từ cơ quan có thẩm quyền trung ương của nước xuất khẩu hoặc văn phòng đại diện tại Lãnh thổ Hải quan riêng của Đài Loan, Penghu, Kinmen và Matsu, hoặc các văn phòng đại diện của chúng tôi tại nước xuất khẩu. - Nếu chứng chỉ của nước xuất khẩu có mã phản hồi nhanh (Mã QR) hoặc trang web chính thức cung cấp thông tin chi tiết đầy đủ về hàng hóa hoặc bản sao điện tử của chứng chỉ, thì chứng chỉ đó có thể được miễn giao trước chứng chỉ đã quét cho BAPHIQ, như đã đề cập ở trên. - Người nhập khẩu phải cam kết nộp bản chính giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc thú y kịp thời để tạm thời đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch. Sau khi chứng chỉ gốc được gửi tới BAPHIQ, hồ sơ nhập khẩu sẽ được đóng lại. - Các thỏa thuận này sẽ được thực hiện cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2020. Sau đó, BAPHIQ sẽ đánh giá và điều chỉnh các thỏa thuận tùy theo tình hình thực hiện và tình trạng của đại dịch COVID-19.
Sản phẩm	Hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra thú y, kiểm dịch thực vật.
Quốc gia	Đài Loan

Nhìn chung, các quốc gia thành viên WTO đang có xu hướng tăng cường các hoạt động chứng nhận điện tử, phù hợp với Giải pháp e-Phyto đang được thực hiện bởi Công ước Bảo vệ Thực vật Quốc tế (IPPC) và Dự án e-Vet do Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) thực hiện, cả hai đều được hỗ trợ bởi Tổ chức Phát triển Thương mại và Tiêu chuẩn của WTO (STDF). Các biện pháp SPS được thông báo áp dụng cho động vật sống và thực phẩm, sản phẩm thực vật, và trong một số trường hợp đối với nhiều loại sản phẩm tổng quát hơn.

3 Đảm bảo hàng hóa y tế an toàn và chất lượng

Một số thành viên đã thông qua các yêu cầu mới về sức khỏe, an toàn hoặc chất lượng đối với hàng hóa y tế để đối phó với đại dịch. Ví dụ, Kuwait đã thông qua một loạt các tiêu chuẩn mới về mặt nạ phòng độc, chất khử trùng và chất khử khuẩn, thiết bị y tế và PPE, trong khi Namibia và Jamaica áp dụng các yêu cầu đối với chất khử trùng tay, Uganda đối với khẩu trang không dùng trong y tế và các thiết bị y tế khác và Peru đối với khẩu trang dành cho sử dụng cộng đồng. Việc áp dụng các

tiêu chuẩn này cho phép sản xuất các mặt hàng y tế thiết yếu trong nước. Hoa Kỳ đã cập nhật các yêu cầu quy định đối với việc kiểm tra và phê duyệt mặt nạ phòng độc lọc không khí, thiết lập một loại tiêu chuẩn hiệu suất mới để giảm nhu cầu cao hiện nay đối với mặt nạ phòng độc lọc hạt trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe và ứng phó y tế khẩn cấp. Brazil đã áp dụng các thủ tục nhập khẩu đối với các sản phẩm dùng để chẩn đoán trong ống nghiệm COVID-19.

4 Đảm bảo duy trì thông suốt nguồn cung cấp thực phẩm bằng cách nối lỏng các quy định kỹ thuật và kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm và ghi nhãn thực phẩm.

Một số thành viên đã thông báo rằng họ đang tạm thời nối lỏng một số khía cạnh của quy chuẩn kỹ thuật SPS đối với một số sản phẩm thực phẩm, nhưng vẫn đảm bảo bảo vệ sức khỏe. Ví dụ, Indonesia đang tạm thời đình chỉ các yêu cầu về chất bổ sung và chất lượng đối với các mặt hàng chủ lực thực phẩm (bột mì, dầu ăn, đường) để đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm sẵn có. Brazil đang tạm thời nối lỏng các tiêu chí cấp phép vào thị trường đối với các sữa

công thức dinh dưỡng do nguy cơ thiếu hụt trên thị trường nội địa. Thụy Sĩ đang nối lỏng các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm trong sáu tháng, để đáp ứng tình trạng thiếu hụt và gián đoạn nguồn cung của một số thành phần thực phẩm và vật liệu đóng gói phát sinh từ đại dịch covid-19. Ai Cập, với một số điều kiện nhất định, đã tạm thời giảm tỷ lệ lô hàng nguyên liệu thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm thực phẩm cuối cùng phải kiểm tra xuống 25%.

KẾT LUẬN

Đại dịch COVID-19 là thách thức toàn cầu lớn nhất trong lịch sử gần đây, khiến các quốc gia thành viên WTO phải tập trung nỗ lực vào việc bảo vệ cuộc sống của người dân, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và đảm bảo an ninh lương thực cho người dân của họ. Thách thức này trở nên lớn hơn đối với các nước đang phát triển, những nước thường thiếu các nguồn lực tài chính và y tế cần thiết để giải quyết nó một cách thỏa đáng. Do đó, hợp tác quốc tế trong tất cả các lĩnh vực là rất quan trọng để giải quyết khủng hoảng và tạo cơ sở cho sự phục hồi kinh tế nhanh chóng trong thời kỳ hậu đại dịch. Với xu thế toàn cầu hóa và dòng chảy của thương mại xuất nhập khẩu toàn cầu trong những năm qua, hàng triệu người phải phụ thuộc vào thương mại quốc tế vì an ninh lương thực và sinh kế của họ. Việc áp dụng các biện pháp phi thuế quan nhằm tạo thuận lợi cho thương mại sẽ có tác động đáng kể trong cuộc chiến chống lại đại dịch covid-19 và giảm thiểu hậu quả của nó. Các biện pháp này cũng sẽ giúp đảm bảo dòng chảy của lương thực và các sản phẩm nông nghiệp khác, bảo vệ an ninh lương thực của những nhóm người dễ bị tổn thương nhất và cung cấp khả năng dự đoán cho các nhà xuất nhập khẩu, do đó đảm bảo rằng các chuỗi sản xuất tiếp tục hoạt động bền vững, ngăn ngừa hiện tượng mất việc làm và gián đoạn nguồn cung cấp.

Trong hoàn cảnh hiện nay, việc áp dụng một số biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) có thể tạo thêm những hạn chế hoặc gánh nặng cho thương mại quốc tế của các sản phẩm động vật hoặc sản phẩm thực vật, tạo thành một thách thức cản trở nỗ lực phục hồi nền kinh tế trên toàn thế giới, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Các nhà sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các nhà sản xuất nhỏ nhất và MSMEs sẽ bị ảnh hưởng nhiều bởi các biện pháp mới và các yêu cầu hạn chế hơn đối với xuất khẩu, chẳng hạn như giảm Mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật. Các quốc gia thành viên WTO được khuyến nghị tăng cường nghĩa vụ minh bạch, bao gồm công bố kịp thời các biện pháp thương mại được thực hiện trong trường hợp khẩn cấp và cung cấp các thông tin liên quan đến các tình huống khủng hoảng đang phát triển có thể ảnh hưởng đến thương mại. Các quốc gia cũng cần có cơ chế chia sẻ thông tin, bắt đầu bằng việc tạo ra các thư viện và cơ sở dữ liệu chia sẻ tài nguyên (trực tuyến) giữa các quốc gia trong khu vực.

TÌM HIỂU VỀ MỨC GIỚI HẠN CỦA MỐI NGUY GÂY MẤT AN TOÀN THỰC PHẨM

Nguyễn Tử Cương

Trưởng ban Phát triển thủy sản bền vững, Hội nghề cá Việt Nam



HACCP



1. Tác nhân gây mất an toàn thực phẩm

Chúng ta đều biết: Thực phẩm được ghi nhận là an toàn cho sức khỏe người sử dụng nếu trong thực phẩm không chứa 3 loại tác nhân Vật lý, Hóa học và Sinh học mà những tác nhân này đã được xác định là mối nguy gây hại đến sức khỏe người sử dụng. Ví dụ:

- Mối nguy vật lý : Mẩu xương, mảnh kim loại, mảnh thủy tinh... lẫn trong thực phẩm thì sẽ gây thương tích cho hệ tiêu hóa như hóc xương,

thủng dạ dày....

- Mối nguy hóa học: Các nguyên tố hoặc hợp chất hóa học có trong thực phẩm khi người sử dụng ăn phải sẽ bị ngộ độc cấp tính hoặc mãn tính như: Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Độc tố gây tiêu chảy (DSP)...

-Mối nguy sinh học: Các loại vi khuẩn, vi rus, nấm, ký sinh trùng gây hại, nếu có trong thực phẩm thì sẽ gây ngộ độc cấp tính hoặc mãn tính cho người sử dụng như: Salmonella, E. Coli, Sán lá gan

2. Xác định một tác nhân là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm

Để xác định một tác nhân là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm thì phải thực hiện đánh giá nguy cơ.

Đánh giá nguy cơ (xét trên phương diện an toàn thực phẩm) là hành động xác định một tác nhân bị nghi ngờ là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm có thực sự là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm hay không? Thông qua việc thu thập, phân tích số liệu, nghiên cứu và đánh giá dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn để đưa ra kết luận.

Đánh giá nguy cơ gồm 4 bước: i) Nhận diện mối nguy, ii) Mô tả mối nguy, iii) Đánh giá sự phơi nhiễm và iv) Mô tả nguy cơ.

Mục đích cuối cùng của đánh giá nguy cơ là đưa ra bản mô tả nguy cơ bao gồm việc xác định có hay không mối nguy gây mất an toàn cho sức khỏe của người sử dụng có trong thực phẩm, mức độ không chắc chắn, tần suất xảy ra và mức độ nghiêm trọng về an toàn thực phẩm khi sử dụng thực phẩm.

3. Mức giới hạn tối hạn an toàn thực phẩm

3.1. Xác định mức giới hạn tối đa cho phép về an toàn thực phẩm - MRLs

Khi đã xác định một tác nhân là mối nguy gây mất an toàn thực phẩm, thì kèm theo đó là phải nêu được mức “giá trị tối đa cho phép MRLs - Maximum Residue Limit” của mối nguy có trong thực phẩm. Nếu tác nhân có trong thực phẩm ở dưới mức giới hạn này thì thực phẩm được xác định là an toàn cho sức khỏe người sử dụng.

Ví dụ Chloramphenicol (CAP) dù ở mức giới hạn nào cũng gây độc cho sức khỏe người sử dụng, vậy mức giới hạn tối hạn của CAP sẽ bằng “0”.

Nhưng muối ăn (NaCl) là chất không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày của con người, nhưng qua đánh giá nguy cơ đã xác định được MRLs của NaCl/ngày đối với người lớn là không quá 5g và trẻ em là không quá 3 g,.

Như trên đã nêu việc xác định các giá trị này phải thực hiện trên cơ sở khoa học và phải được các nhà khoa học trên thế giới công nhận và được Ủy ban CODEX - tổ chức do FAO và WHO phối hợp thành lập.

3.2. Mức giới hạn bằng <<0>>

Mức giới hạn bằng <<0>> là mức giá trị đối với tác nhân gây mất an toàn thực phẩm mà sự hiện diện của chúng (không kể số lượng) gây hại cho sức khỏe người sử dụng.

Theo đó trong toàn bộ quá trình sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ tác nhân này sẽ bị cấm sử dụng và chúng cũng không được phép có trong môi trường sản xuất.

3.3. Mức giá trị phát hiện thấp nhất của thiết bị được chấp nhận (MRPLs - Maximum Required Performance Limit)

Trong kiểm tra xác định giá trị tối hạn, cho dù thiết bị và phương pháp có tiên tiến đến đâu cũng không thể xác định được giá trị <<0>> mà chỉ xác định được giá trị gần bằng << 0 >> .

Do vậy để tránh xảy ra tranh chấp trong quan hệ giao thương, đã xuất hiện khái niệm mức giới hạn phát hiện của thiết bị được chấp nhận (MRPLs - Maximum Required Performance Limit).

Ví dụ: Chloramphenicol (CAP) là hóa chất cấm sử dụng nhưng với thiết bị phân tích hiện có thì giới hạn phát hiện thấp nhất đạt độ chính xác là 0,2 ppb (phần tỷ). Theo đó nếu nước nhập khẩu lô hàng phát hiện CAP bằng hoặc cao hơn 0,2 ppb thì có nước nhập có quyền tịch thu tiêu hủy lô hàng của nước xuất khẩu, nhưng nếu kết quả phân tích phát hiện thấp hơn 0,2 phần tỷ thì nước nhập khẩu chỉ được quyền gửi khuyến cáo

tới nước nhập khẩu, chứ không có quyền tịch thu tiêu hủy lô hàng. Tương tự như vậy, thì MRPLs của Nitrofurant là 0.1 ppb, của Malachit green là 0.2 ppb...

Chúng ta cần nắm chắc nguyên tắc này để làm việc thậm chí là phải đấu tranh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nước nhập khẩu để tránh tình trạng nước nhập khẩu lợi dụng chỉ tiêu và mức giới hạn thiếu cơ sở khoa học để dựng lên - rào cản vô lý đối với hàng nhập khẩu của chúng ta.

3.4. Thực phẩm có nguy cơ cao

Theo khái niệm của CODEX : Thực phẩm có nguy cơ cao là i) Thực phẩm ăn liền (không cần gia nhiệt trước khi ăn) và ii) Thực phẩm có mối nguy gắn liền với loài.

Thực phẩm ăn liền (ready to eat), nếu chúng có mối nguy vi sinh vật mà người dùng ăn ngay thì chắc chắn sẽ bị vi sinh vật gây hại đến sức khỏe.

Thực phẩm có mối nguy gắn liền với loài: Là loài động, thực vật mà trong một hoặc nhiều bộ phận hoặc trong giai đoạn phát triển nào đó, trong cơ thể chúng có chứa mối nguy gây mất an toàn thực phẩm.

Khi nuôi, trồng hoặc khi chế biến những loài này người nuôi/trồng hoặc chế biến cần hiểu rõ về chúng để loại bỏ các mối nguy này ra khỏi phần dùng làm thực phẩm.

Dưới đây là bảng nhận diện những loài động và thực vật có mối nguy gắn liền:

TT	Mối nguy	Loài chứa mối nguy	Diễn giải
1.	Thủy sản		
1.1	DSP, PSP, ASP, NSP	Nhuễn thể 2 mảnh vỏ	Ăn phải loài tảo có độc tố
1.2	CFP	Cá sống tại vùng rạn đá san hô	Ăn phải loài tảo có độc tố hoặc động vật ăn loài tảo có độc tố
1.3	Tetrodotoxin	Cá nóc, bạch tuộc đốm xanh	Nội độc tố
1.4	Gempylotoxin	Cá dẫu	Nội độc tố
1.5	Histamin	Cá thịt màu đỏ	Axit amin Histidin chuyển thành độc tố Histamin
2	Động vật trên cạn		
2.1	Bufagins	Một số loài cóc	Nội độc tố
2.2	Haditoxin	Rắn (hổ mang, cạp nia, rắn lục,...)	Nội độc tố
3	Thực vật trên cạn		
3.1	Solanine	Mầm củ khoai tây	Nội độc tố
3.2	Amygdalin	Hạt táo, lê, mơ	Nội độc tố
3.3	Cyanogen	Củ sắn, măng	Nội độc tố

CANADA CẬP NHẬT CHÍNH SÁCH MỚI VỀ ĐIỀU KIỆN THÚ Y ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU SỮA VÀ SẢN PHẨM TỪ SỮA



Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam



Ngày 04/02/2021, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1367 về việc cập nhật Khung chính sách nhập khẩu về sản phẩm và phụ phẩm động vật trên cạn.

Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đã công bố một chính sách cập nhật liên quan đến các điều kiện về thú y đối với việc nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa. Cụ thể, Bắt đầu từ tháng 4 năm 2021, các điều kiện nhập khẩu mới phản ánh chính sách cập nhật sẽ được công bố trong Hệ

thống Tham chiếu Nhập khẩu Tự động (AIRS): Yêu cầu Nhập khẩu của Cơ quan Kiểm tra Thực phẩm Canada đối với thực phẩm và đồ uống có chứa sữa hoặc các sản phẩm từ sữa như được định nghĩa theo Quy định về Thú y của Canada đối với thực phẩm và đồ uống có chứa sữa hoặc các sản phẩm

từ sữa được người tiêu dùng đóng gói sẵn và có trạng thái ổn định khi được bảo quản ở nhiệt độ môi trường trước khi mở có thể được nhập khẩu từ bất kỳ quốc gia xuất xứ nào và không cần chứng nhận kiểm dịch động vật. Ngược lại đối với bất kỳ sản phẩm thực phẩm và đồ uống nào có chứa sữa không được đóng gói sẵn cho người tiêu dùng (ví dụ như nhập khẩu với số lượng lớn) hoặc đòi hỏi các kỹ thuật, yêu cầu làm lạnh hoặc đông lạnh trước khi mở chỉ có thể được nhập khẩu từ các quốc gia có hệ thống chứng nhận thú y đã được CFIA phê duyệt và phải đi kèm với giấy chứng nhận kiểm dịch động vật đáp ứng các yêu cầu của CFIA đối với việc nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa.



Trong những nội dung mới được cập nhật này có hai thay đổi sẽ được thực hiện. Đầu tiên là việc loại bỏ “quy tắc 50%” không chính thức được sử dụng để xác định xem hàng hóa có chứa sữa như một thành phần hoặc các sản phẩm từ sữa có phải đáp ứng các yêu cầu về thú y để nhập khẩu sữa hay không. Các điều kiện nhập khẩu trước đây đối với hàng hóa nhiều thành phần có chứa sữa dựa trên tỷ lệ chất khô của sữa trong sản phẩm. Mô hình này đang được thay thế bằng mô hình dựa trên rủi ro, trong đó hàng hóa trong bao bì đóng sẵn dành cho người tiêu dùng cuối cùng được sử dụng ổn định ở nhiệt độ phòng được miễn các yêu cầu về thú y đối với sữa. Hàng hóa không đáp ứng các tiêu chí này sẽ được đánh giá như là sữa và phải có chứng nhận kiểm dịch động vật kèm theo từ một quốc gia có hệ

thống chứng nhận thú y được Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada phê duyệt. Tiếp theo là thay đổi về việc các hàng hóa được định nghĩa là sữa, bao gồm thực phẩm và đồ uống có chứa sữa hoặc các sản phẩm từ sữa không được đóng gói sẵn dành cho người tiêu dùng hoặc không được bảo quản ổn định ở nhiệt độ phòng, có xuất xứ từ các quốc gia không được CFIA công nhận là không có bệnh lở mồm long móng, phải trải qua hai lần điều trị giảm mầm bệnh. Một trong những phương pháp điều trị này có thể là giảm độ pH. Yêu cầu về việc giảm giá trị pH được sử dụng như một phương pháp xử lý sẽ thay đổi từ pH 5 đến pH 6 và thời gian cần thiết sẽ giảm xuống còn một giờ từ hai giờ, để phù hợp với các khuyến nghị quốc tế.

Như vậy các điều chỉnh mới được cập nhật này đều nằm tại Chương 10.4 - Sản phẩm sữa trong văn bản “Sản phẩm và phụ phẩm động vật trên cạn: Khung chính sách nhập khẩu” đã có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020 tuy nhiên phải đến khoảng tháng 4 năm 2021 các yêu cầu được bổ sung mới được áp dụng. Phạm vi mặt hàng có thể bị ảnh hưởng được đề cập trong phần này bao gồm: sữa (chất tiết của vi khuẩn thu được từ tuyến vú của bất kỳ loài nhai lại nào); sữa tách béo một phần; sữa tách béo; sữa non; kem; bơ; sữa bơ; dầu bơ (bơ thanh lọc); whey (bao gồm bột whey protein cô đặc); bơ whey, kem whey; các sản phẩm dùng cho động vật có chứa một hoặc nhiều thành phần sữa được quy định ở trên; Thực phẩm và đồ uống cho người có chứa một hoặc nhiều thành phần sữa được quy định ở trên mà không phải là sản phẩm tiêu dùng đóng gói sẵn tại thời điểm nhập khẩu (sản phẩm nhập khẩu với số lượng lớn) hoặc không được bảo quản ổn định ở nhiệt độ môi trường trước khi mở

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến các nhóm sản phẩm nêu trên đều có thể tìm kiếm tại trang thông tin https://airssari.inspection.gc.ca/airs_external/english/decisions-eng.aspx của CFIA.

NHẬT BẢN ĐƯA RA THÔNG BÁO VỀ CÁC BIỆN PHÁP KHẨN CẤP ĐỂ NGĂN CHẶN VIRUS HẠI QUẢ CÀ CHUA NÂU (ToBRFV) XÂM NHẬP VÀO QUỐC GIA NÀY

Ngày 04/02/2021, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/828 về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn virus hại quả cà chua nâu (ToBRFV) xâm nhập vào Nhật Bản thông qua việc nhập khẩu hạt giống ký chủ và cây trồng của ToBRFV.

Nguyễn Ngọc Bách
Văn phòng SPS Việt Nam

Để ngăn chặn virus gây bệnh nâu cà chua (ToBRFV) xâm nhập vào lãnh thổ Nhật Bản gây nguy cơ cao đến sản phẩm cà chua từ nước này, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) sẽ đưa ra yêu cầu đối với các Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) của các nước xuất khẩu kiểm chứng đảm bảo một số điều kiện mà nước này đặt ra. Đối với hạt giống cây cà chua các mẫu phải được lấy ngẫu nhiên từ cây bố mẹ và những cây có biểu hiện nghi ngờ được kiểm tra trong thời kỳ thu hoạch bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và cho kết quả không nhiễm virus hại quả cà chua nâu hoặc các hạt giống phải được kiểm tra trước khi xuất khẩu bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và không nhiễm virus hại quả cà chua nâu. Nhật Bản yêu cầu rằng phải các mẫu xét nghiệm cần bao gồm 4.600 hạt giống được lấy ngẫu nhiên từ một lô theo quy trình của Hiệp hội Khảo nghiệm Hạt giống Quốc tế (ISTA) hoặc trong trường hợp số lượng hạt của

lô nhỏ hơn 46.000 hạt thì cần đảm bảo 10% số hạt được sử dụng để khảo nghiệm. Các mẫu này cần được chia thành nhiều nhất 400 hạt như các mẫu phụ hoặc đối với cây sống và các bộ phận của cây để trồng (trừ hạt và quả) để đảm bảo các cây được lấy ngẫu nhiên từ lô và các cây có biểu hiện nghi ngờ được kiểm tra trong mùa sinh trưởng hoặc trước khi xuất khẩu bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và được phát hiện không nhiễm virus hại quả cà chua nâu. Ngoài ra, NPPO sẽ phải khai báo như trong cột Khai báo bổ sung Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật “Đáp ứng mục 36 của Phụ lục 2-2 của Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Bảo vệ Thực vật (MAF Sắc lệnh số 73/1950)”.

Virus hại quả cà chua nâu (Tomato brown rugose fruit virus - ToBRFV) là một loại virus thực vật thuộc giống Tobamovirus được mô tả lần đầu tiên vào các nghiên cứu trong năm 2015. Nó đã lây lan nhanh chóng kể từ lần đầu tiên được ghi nhận

ở Jordan và Israel. Vật chủ chính của loại virus này chủ yếu là cà chua và ớt. Virus gây ra các triệu chứng bao gồm khảm và biến dạng lá và các đốm nâu, nhẵn (hình thảm) trên thân quả. Các đợt bùng phát có thể nghiêm trọng và khiến trái cây không thể tiêu thụ được. Vào năm 2015, cây cà chua trong nhà kính ở Jordan cho thấy các triệu chứng nhẹ trên lá trong suốt mùa vụ, sau đó các quả phát triển các triệu chứng đốm nâu đen mạnh mẽ. Tổng số RNA được chiết xuất từ cây và tiến hành thực hiện phản ứng chuỗi Polymerase phiên mã ngược (RT-PCR) cho kết quả âm tính với nhiều loại virus cà chua thông thường nhưng cho thấy sự hiện diện của một chủng virus tobamovirus mới. Sau khi xác định trình tự và xác định đặc điểm, tên virus gây bệnh quả nâu cà chua (ToBRFV) đã được đề xuất. Vào năm 2019, người ta đã xác nhận rằng các triệu chứng quan sát thấy trên cây trồng ở Jordan vào năm 2015 và 2016 là do nhiễm ToBRFV và virus khảm xanh nhẹ thuốc lá. Một căn bệnh với các triệu chứng tương tự đã xuất hiện trước đó ở Ohad, Israel vào mùa thu năm 2014, cấu trúc virus hình que tại đây phù hợp

với chủng mới Tobamovirus và trình tự hoàn chỉnh cho thấy khả năng đồng nhất trình tự cao đối với chủng virus Jordan phân lập từ virus ăn quả cà chua nâu. Các cây bị nhiễm bệnh ở Israel là các giống cây trồng mang gen kháng Tm-22, gen kháng bệnh chống lại một số loại tobamovirus.

Các triệu chứng ở cà chua khác nhau tùy theo giống cà chua và có thể từ nhẹ đến nặng, phần lá bao gồm khảm từ nhẹ đến nặng, thu hẹp và mất màu, ngoài ra còn có các triệu chứng cổ điển là các mảng màu nâu và nhẵn nheo (hình thảm) hình thành trên quả bị nhiễm bệnh, quả cũng có thể bị biến dạng hoặc chuyển sang màu vàng và thường không bán được do các triệu chứng này. Virus hại quả cà chua nâu có thể lây truyền cơ học - virus ổn định bên ngoài cây trồng và do đó có thể lây lan giữa các cây trồng trên các dụng cụ, quần áo hoặc tay. Sự lây truyền qua hạt giống vẫn chưa được xác minh mặc dù nó đã được phát hiện trên hạt cà chua di chuyển trong buôn bán. Cây cũng có thể lây lan qua nhân giống. Ngoài ra có thể xảy ra sự lây truyền cơ học từ vỏ hạt sang cây đang phát triển.



THÁI LAN TẠM NGỪNG NHẬP KHẨU LỢN TỪ VIỆT NAM

Cục phát triển chăn nuôi Thái Lan (DLD) ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa, lợn rừng sống và thịt lợn từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh dịch tả lợn Châu Phi.

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam

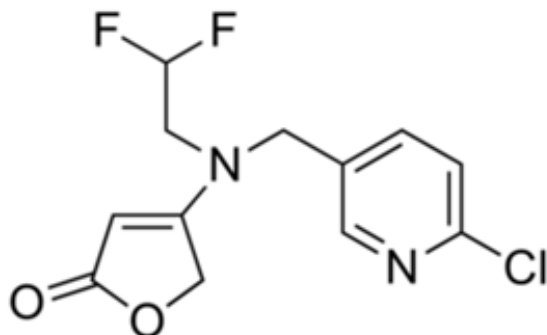
Theo Công báo Chính phủ Thái Lan ngày 02/10/2020, việc tạm ngừng nhập khẩu lợn nuôi, lợn rừng sống và thịt lợn từ Việt Nam đã hết hạn vào ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, Tổ chức Thú y Thế giới đã thông báo về việc tiếp tục bùng phát dịch tả lợn Châu Phi (ASF) tại Việt Nam. Vì vậy, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của ASF vào nước này. Theo Đạo luật dịch tễ động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu lợn nhà, lợn rừng sống và thịt lợn từ Việt Nam trong thời hạn 90 ngày sau khi đăng trên Công báo Hoàng gia Thái Lan (ngày 22/01/2021).



CANADA ĐỀ XUẤT MỨC GIỚI HẠN TỐI ĐA DƯ LƯỢNG: FLUPYRADIFURONE, DIFENOCONAZOLE VÀ THIABENDAZOLE

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam



Theo thông báo số G/SPS/N/CAN/1371, ngày 11/02/2021, Canada muốn tham vấn ý kiến trong và ngoài nước về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với *flupyradifurone* (Bảng 1), *difenoconazole* (Bảng 2) và *thiabendazole* (Bảng 3) đã được cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất, cụ thể như sau:

M R L (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
9,0	Rau diếp ngồng, lá và thân cây thì là tươi
8,0	Quả cọ nhiệt đới và cận nhiệt đới, vỏ ăn được (phân nhóm cây trồng 23C)
6,0	Su hào
3,0	Hạt vừng
0,70	Hoa hướng dương (phân nhóm cây trồng 20B) (sửa đổi), quả xương rồng Texas
0,30	Dứa
0,01	Rau có thân và bẹ (phân nhóm cây trồng 22A, ngoại trừ Rau diếp ngồng ² , lá và thân thì là ² , su hào ³ , quả xương rồng ⁴ , quả xương rồng Texas ⁵)
3.3	Cyanogen

Bảng 1. Đề xuất MRLs đối với *flupyradifurone*

¹ppm = phần triệu

²Rau diếp ngồng, lá và thân cây thì là tươi không áp dụng theo mức dư lượng này vì MRL riêng biệt là 9,0 ppm đã được đề xuất cho các mặt hàng này.

³Su hào không áp dụng theo mức dư lượng này vì MRL riêng biệt là 6,0 ppm đã được đề xuất cho mặt hàng này.

⁴Quả xương rồng không áp dụng theo mức dư lượng này vì MRL riêng biệt là 0,70 ppm đã được đề xuất cho mặt hàng này.

⁵Quả xương rồng Texas không áp dụng theo mức dư lượng này vì MRL riêng biệt là 0,70 ppm đã được đề xuất cho mặt hàng này.



Difenoconazole (Ảnh: nguồn internet)

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
8,0	Ngọn củ cải đường, ngọn củ cải
0,60	Rau ăn củ (phân nhóm cây trồng 1A) ²

Bảng 2. Đề xuất MRLs đối với difenoconazole

1ppm = phần triệu

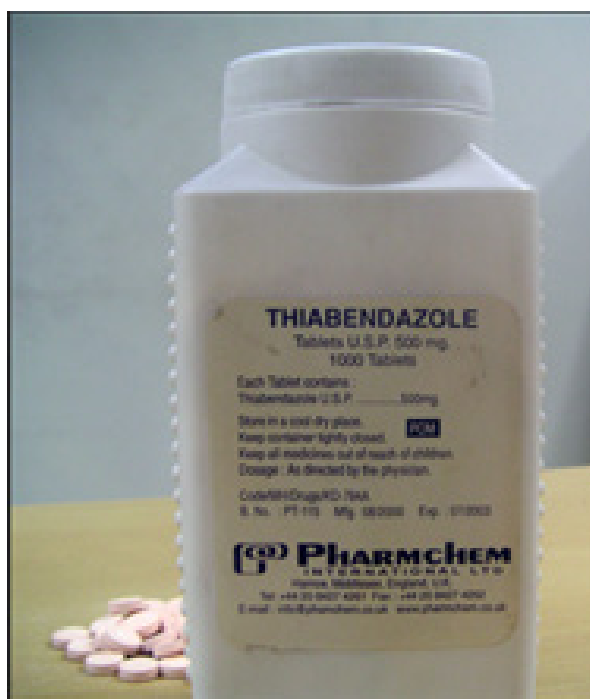
²MRL này được đề xuất để thay thế MRL hiện tại cho củ cà rốt và củ cải đường.

MRL (ppm) ¹	Hàng hóa nông sản thô/đã chế biến
10,0	Xoài, đu đủ
9,0	Chuối ²

Bảng 3. Đề xuất MRLs đối với thiabendazole

¹ppm = phần triệu

²MRL này được đề xuất để thay thế MRL hiện tại là 0,4 ppm cho chuối.



Thiabendazole (Ảnh: nguồn internet)

CẬP NHẬT GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT CHO NÔNG SẢN XUẤT KHẨU TỪ ÚC

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

ii) Đối với chứng nhận thực vật.

Úc sẽ xóa bỏ chữ ký của Trưởng bộ phận Thú y khỏi tất cả các giấy chứng nhận sức khỏe thủy sản và thịt, sữa, trứng, hàng hóa không theo quy định được cấp điện tử. Chữ ký này sẽ được thay thế bằng chữ ký của Giám đốc kỹ thuật Thú y quốc gia (Tiến sĩ Stewart Lowden), người sẽ giám sát hệ thống xuất khẩu theo hướng dẫn của OIE và Codex về các thỏa thuận chứng nhận. Giấy chứng nhận sức khỏe của Úc được áp dụng chữ ký thủ công sẽ tiếp tục có chữ ký của các nhân viên của Bộ được ủy quyền ký chứng nhận sức khỏe xuất khẩu và sử dụng con dấu của Bộ.

Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật sống, vật liệu sinh sản, ngũ cốc, hạt giống và cây trồng sẽ không thay đổi. Giấy chứng nhận xuất khẩu thực vật sẽ cập nhật người chứng nhận đến “Cơ quan có thẩm quyền” với thuật ngữ “Người đại diện”.

Những thay đổi theo kế hoạch không ảnh hưởng đến các chứng nhận đã thỏa thuận để tiếp cận thị trường, các kiểm soát theo quy định của Bộ đối với xuất khẩu, hoặc thông tin được đồng ý song phương liên quan đến chi tiết lô hàng được mô tả trên giấy chứng nhận.

Các chứng nhận cập nhật của Úc sẽ được phát hành trong tháng 3 năm 2021. Các chứng nhận thực vật cập nhật sẽ được phát hành vào ngày 15/3/2021. Sẽ có một giai đoạn chuyển tiếp ngắn trong đó các chứng nhận cũ và mới có thể được xuất trình cho các nhân viên hải quan biên giới để thông quan hàng hóa.

Úc đang dự thảo bộ luật xuất khẩu mới, Đạo luật kiểm soát xuất khẩu. Theo đó, kể từ ngày 28 tháng 3 năm 2021, các tham chiếu của Đạo luật kiểm soát xuất khẩu năm 1982 sẽ được bãi bỏ khỏi tất cả các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của Úc, Bộ Nông nghiệp, Nước và Môi trường cấp.

Hơn nữa, tham chiếu đến tên Bộ bên dưới tiêu đề của Chính phủ Úc sẽ được cập nhật thành “Chính phủ Úc” ngoại trừ:

i) Khi quốc gia nhập khẩu yêu cầu rõ ràng tên của cơ quan có thẩm quyền phải xuất hiện trên giấy chứng nhận;

DỰ THẢO QUY ĐỊNH VỀ SPS CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO TRONG THÁNG 2/2021

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/JPN/827	Nhật Bản	01/02/2021	Đề xuất sửa đổi Pháp lệnh thực thi Đạo luật Bảo vệ Thực vật, các thông báo liên quan và các quy tắc chi tiết về thực thi kiểm dịch thực vật nhập khẩu liên quan đến thực vật chịu các biện pháp kiểm dịch thực vật cụ thể được thực hiện ở các nước xuất khẩu.
2	G/SPS/N/AUS/513	Úc	02/02/2021	Đề xuất M1018 - Giới hạn dư lượng tối đa (2020)
3	G/SPS/N/AUS/514	Úc	03/02/2021	Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc New Zealand đã được sửa đổi (ngày 27 tháng 01 năm 2021).
4	G/SPS/N/JPN/828	Nhật Bản	04/02/2021	Các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn virus hại quả cà chua nâu (ToBRFV) xâm nhập vào Nhật Bản thông qua việc nhập khẩu hạt giống và cây trồng
5	G/SPS/N/CAN/1368	Canada	04/02/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo màu được cho phép sử dụng cho caramel trong pho mát Cheddar có hương vị - Số tham chiếu: NOM / ADM-0158
6	G/SPS/N/CAN/1367	Canada	04/02/2021	Sản phẩm và phụ phẩm động vật trên cạn: Khung chính sách nhập khẩu. Chương 10.4 chính sách về điều kiện sức khỏe động vật đối với nhập khẩu sữa và các sản phẩm từ sữa, bao gồm cả thực phẩm và đồ uống có thành phần là sữa.
6	G/SPS/N/AUS/512	Úc	05/01/2021	Thông báo về các yêu cầu cấp phép nhập khẩu theo kế hoạch đối với hạt giống apiaceous.
7	G/SPS/N/CAN/1366	Canada	04/02/2021	Các loài động vật sống dưới nước nhạy cảm.

8	G/SPS/N/MDA/19	Moldova	05/02/2021	Quyết định của Chính phủ số 677/2020 - Sửa đổi Phụ lục 1 của Quyết định số 115/2013 của Chính phủ về việc kiểm soát nitrat trong các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc thực vật.
9	G / S P S / N / TPKM/561	Đài Loan	09/02/2021	Các biện pháp khẩn cấp đối với hạt giống <i>Solanum</i> spp và <i>Capsicum</i> spp.
10	G/SPS/N/AUS/502	Hoa Kỳ	06/01/2021	Thông báo về các biện pháp khẩn cấp đối với một cứng đốt - Giai đoạn 6A: Các biện pháp mới đối với các container đường biển
11	G/SPS/N/THA/376	Thái Lan	11/02/2021	Cục phát triển chăn nuôi Thái Lan (DLD) ra lệnh tạm ngừng nhập khẩu lợn nội địa, lợn rừng sống và thịt lợn từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của bệnh dịch tả lợn Châu Phi.
12	G/SPS/N/CAN/1371	Canada	11/02/2021	Đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng: Flupyradifurone (PMRL2021-02).
13	G/SPS/N/CAN/1370	Canada	11/02/2021	Đề xuất mức giới hạn tối đa dư lượng: Difenconazole (PMRL2021-01)
14	G/SPS/N/CAN/1369	Canada	11/02/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép sử dụng Xylanase từ <i>Aspergillus acidus</i> RF7398 trong sản phẩm bánh và bột mì được chỉ định - Số tham chiếu: NOM/ADM-0159.
15	G/SPS/N/BRA/1879	Bra-xin	11/02/2021	Thông tư số 12/2021/DIPOA/SDA/MAPA hướng dẫn thủ tục nhập khẩu các sản phẩm động vật ăn được và không ăn được được miễn đăng ký xuất khẩu sang Bra-xin.
16	G/SPS/N/CHL/666	Chile	12/02/2021	Thành lập hệ thống chính thức để kiểm soát an toàn trong chuỗi nông sản thực phẩm tươi sống và sản phẩm trái cây đông lạnh và bãi bỏ Nghị quyết số 3.410/2002)

17	G/SPS/N/KGZ/18	Kyrgyzstan	15/02/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi Phần I của danh mục sản phẩm đã qua kiểm dịch (tàu chuyên chở đã qua kiểm dịch, nguyên liệu đã qua kiểm dịch, hàng hóa đã qua kiểm dịch) thuộc diện kiểm dịch thực vật (giám sát) tại biên giới hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu và trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (sau đây gọi là "Danh sách").
18	G/SPS/N/KGZ/17	Kyrgyzstan	15/02/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo quyết định về việc sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch thực vật thông thường đối với các sản phẩm kiểm dịch và vật thể được kiểm dịch tại biên giới hải quan và lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU).
19	G/SPS/N/JPN/833	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
20	G/SPS/N/JPN/832	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
21	G/SPS/N/JPN/831	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
22	G/SPS/N/JPN/830	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
23	G/SPS/N/JPN/829	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)

24	G/SPS/N/CAN/1373	Canada	15/02/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo màu cho phép để mở rộng việc sử dụng chiết xuất tảo Spirulina cho một số thực phẩm chưa được chuẩn hóa - Số tham chiếu: NOM/ADM-0160
25	G/SPS/N/CAN/1372	Canada	15/02/2021	Thông báo về việc sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép sử dụng --amylase từ Bacillus flexus AE-BAF trong các thực phẩm khác nhau- Số tham chiếu: NOM/ADM-0159
26	G/SPS/N/CAN/1375	Canada	16/02/2021	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Dimethoate (PMRL2021-04)
27	G/SPS/N/USA/3223	Hoa Kỳ	17/02/2021	Tồn dư thuốc trừ sâu Streptomycin. Quy tắc cuối cùng.
28	G/SPS/N/KOR/707	Hàn Quốc	17/02/2021	Các thủ tục và yêu cầu đối với việc kiểm tra tại chỗ các phương tiện và cơ sở kinh doanh nước ngoài (Thông báo của Bộ An toàn thực phẩm và dược Phẩm Hàn Quốc (MFDS)).
29	G/SPS/N/AUS/515	Úc	17/02/2021	Cập nhật giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho nông sản xuất khẩu từ Úc.
30	G/SPS/N/USA/3228	Hoa Kỳ	19/02/2021	Mức dư lượng cho phép của thuốc trừ sâu fluxametamide. Quy tắc cuối cùng.
31	G/SPS/N/USA/3227	Hoa Kỳ	19/02/2021	Mức dư lượng cho phép của thuốc trừ sâu emamectin benzoate. Quy tắc cuối cùng.
32	G/SPS/N/USA/3226	Hoa Kỳ	19/02/2021	Mức dư lượng cho phép của thuốc trừ sâu orthosulfamuron.
33	G/SPS/N/CAN/1376	Canada	19/02/2021	Đề xuất Giới hạn dư lượng tối đa: Thiabendazole (PMRL2021-05).
34	G/SPS/N/UKR/154	Ukraine	22/02/2021	Luật của Ukraine về "Thuốc thú y và đối xử nhân đạo với động vật".
35	G/SPS/N/UKR/155	Ukraine	23/02/2021	Dự thảo Pháp lệnh của Bộ Y tế Ukraine về việc phê duyệt sửa đổi các chỉ tiêu an toàn thực phẩm "Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) của hoạt chất thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật".
36	G/SPS/N/TPKM/562	Đài Loan	24/02/2021	Các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 1 mã CCC cụ thể

37	G/SPS/N/BRA/1900	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 1011, ngày 27/01/2021, về thành phần hoạt chất T32 - TEBUCONAZOL (tebuconazole) của Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản theo Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 02/ 9/ 2003
38	G/SPS/N/BRA/1893	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 1004, ngày 27/01/2021, về thành phần hoạt chất G01 - GLIFOSATO (glyphosate) của Danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 2 tháng 9 năm 2003.
39	G/SPS/N/BRA/1889	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 1000, ngày 27 tháng 01 năm 2021, về thành phần hoạt chất F69 - FLUPIRADIFURONE (flupyradifurone) của Danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 2 tháng 9 năm 2003
40	G/SPS/N/BRA/1884	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 995, ngày 27 tháng 01 năm 2021, liên quan đến hoạt chất F36 - FLUTRIAFOL (flutriafol) trong Danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 02 tháng 9 năm 2003.

41	G/SPS/N/BRA/1882	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 993, ngày 27 tháng 01 năm 2021, về thành phần hoạt chất C61 - BETA-CIFLUTRINA (beta-cyfluthrin) của Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 02 tháng 9 năm 2003
42	G/SPS/N/BRA/1880	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 991, ngày 27 tháng 1 năm 2021, liên quan đến hoạt chất F23.1 - FLUASIFOPE-P-BUTÍLICO (fluazifop-P) của Danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 02 tháng 9 năm 2003
43	G/SPS/N/BRA/1888	Bra-xin	24/02/2021	Dự thảo nghị quyết số 999, ngày 27 tháng 01 năm 2021, về thành phần hoạt chất C-60 - ZETA-CIPERMETRINA (zeta-cypermethrin) của Danh sách chuyên khảo các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Nghị quyết số 165 ngày 29 tháng 8 năm 2003, trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Onking da União) ngày 02 tháng 9 năm 2003
44	G/SPS/N/TPKM/563	Đài Loan	25/02/2021	Dự thảo tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
45	G/SPS/N/AUS/515/Corr.1	Úc	25/02/2021	Cập nhật Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật cho Nông sản Xuất khẩu từ Úc
46	G/SPS/N/UKR/158	Ukraine	26/02/2021	Dự thảo Luật Ukraine "Về việc sửa đổi một số Luật của Ukraine liên quan đến giới hạn hàm lượng chất béo chuyển hóa trong thực phẩm"
47	G/SPS/N/KGZ/19	Kyrgyzstan	26/02/2021	Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu dự thảo Quyết định sửa đổi suy định kỹ thuật của Liên minh Hải quan "Về an toàn thực phẩm" (CU TR 021/2011).

2. Danh sách quy định về SPS có hiệu lực

STT	Mã WTO	Quốc gia thông báo	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G / S P S / N / CAN/1350	Đài Loan	01/02/2021	Thiết lập mức giới hạn dư lượng tối đa đối với chất: Trifludimoxazin
2	G / S P S / N / TPKM/554	Đài Loan	02/02/2021	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm
3	G / S P S / N / CHL/567	Chile	04/02/2021	Tham vấn cộng đồng “Đề xuất cập nhật mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa trong thực phẩm, Nghị quyết số 33/2010 và các sửa đổi bổ sung, gắn với Điều 162 của Quy định về sức khỏe thực phẩm”, Nghị định số 977/96 của Bộ Y tế Chile.
4	G / S P S / N / THA/276	Thái Lan	05/02/2021	Phụ gia thực phẩm (số 2)
5	G / S P S / N / THA/262	Thái Lan	05/02/2021	Vi sinh vật gây bệnh trong thực phẩm
6	G / S P S / N / TPKM/555	Đài Loan	08/02/2021	Tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất gây ô nhiễm và độc tố trong thực phẩm
7	G / S P S / N / HND/11	Honduras	09/02/2021	Quy định về vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế
8	G / S P S / N / EU/405	Liên minh Châu Âu	09/02/2021	Mức dư lượng tối đa của acrylamide trong một số loại thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ
9	G / S P S / N / EU/388	Liên minh Châu Âu	09/02/2021	Thông số kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm titanium dioxide (E 171)
10	G / S P S / N / CAN/1351	Canada	09/02/2021	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa dành cho chất Tetraconazole.
11	G / S P S / N / CAN/1355	Canada	10/02/2021	Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa dành cho chất Carfentrazone-ethyl
12	G / S P S / N / EU/394	Liên minh Châu Âu	12/02/2021	Mức dư lượng tối đa đối với carbon tetrachloride, chlorothalonil, chlorpropham, dimethoate, ethoprophos, fenamidone, methiocarb, omethoate, propiconazole và pymetrozine trong hoặc trên các sản phẩm nhất định nào đó.

13	G / S P S / N / JPN/776	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
14	G / S P S / N / JPN/775	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
15	G / S P S / N / JPN/774	Nhật Bản	15/02/2021	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)
16	G / S P S / N / TPKM/535	Đài Loan	23/02/2021	Tiêu chuẩn về đặc điểm kỹ thuật, phạm vi, ứng dụng và giới hạn của phụ gia thực phẩm
17	G / S P S / N / BRA/1684	Bra-xin	24/02/2021	Nghị quyết RDC số 466, ngày 10 tháng 02 năm 2021
18	G / S P S / N / AUS/455/	Úc	25/02/2021	Phân tích nguy cơ dịch hại cuối cùng đối với virus Pepino mosaic và pospiviroids associated liên quan đến hạt cà chua

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ:

<http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

hoặc tham khảo trên: <https://docs.wto.org>



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

